

Bản án số: 120/2019/HS-ST
Ngày: 26-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Lê Dũng Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 133/2019/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Thị Ánh T – sinh năm 2000, tại Đồng Nai

Nơi cư trú: Ấp TT 3, xã PL, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thành N – sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Hồng K – sinh năm 1977; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Chưa có. (Có mặt)

- Bị hại: Bà **Nguyễn Thị Hồng V** – sinh năm 1962 (Đã chết)

Địa chỉ: Ấp TL2, xã PX, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Cháu **Nguyễn Hồng P** – sinh ngày 04/01/2005 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp TL2 xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Hồng P:

1/ Bà **Nguyễn Thị T1** – sinh năm 1950 (Vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Duy T2** – sinh năm 1958 (Vắng mặt)

3/ Bà **Nguyễn Thị Kim C** – sinh năm 1967 (Có mặt)

4/ Bà **Nguyễn Thị Mai L** – sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp TL2 xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai)

- Bị đơn dân sự:

1/ Ông **Bùi Huy C1** – sinh năm 1973 (Vắng mặt)

2/ Bà **Lê Thị H** – sinh năm 1973 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp TT, xã TS, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

3/ Ông **Phạm Thành N** – sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp TT 3, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Cháu **Bùi Thị Ngọc B** – sinh ngày 20/12/2003 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã TS, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Người đại diện hợp pháp của cháu Bùi Thị Ngọc B: Ông Bùi Huy C1 và bà Lê Thị H là bị đơn dân sự)

2/ Anh **Phan Thành Đ** – sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp NL 1, xã PX, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

3/ Anh **Đặng Thanh M** – sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, Ấp NL 2, xã PX, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Ánh T và Bùi Thị Ngọc B – sinh ngày 20/12/2003 có mối quan hệ là bạn bè.

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 26/6/2019, sau khi làm thịt vịt tại nhà chị Phạm Kim M (chị của T) tại xã PT, huyện TP, Phạm Thị Ánh T cùng với Bùi Thị Ngọc B rủ nhau mang vịt xuống huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai để bán kiếm lời. T biết B chưa có giấy phép lái xe mô tô theo quy định và chưa đủ tuổi điều khiển xe mô tô nhưng vẫn giao xe mô tô biển số 60B3-399.48 (xe của cha T là ông Phạm Thành N để ở nhà) cho B điều khiển thì được B đồng ý, khi đi thì phía trước xe mô tô để giỏ chứa khoảng 25 con vịt, T ngồi phía sau, lưu thông theo hướng TP đi ĐQ. Khi đi đến KM 63 + 500m Quốc lộ 20 thuộc Ấp TL 1, xã PT, huyện TP, do B ngủ gật, không làm chủ được tay lái nên điều khiển xe mô tô đi vào làn đường dành cho xe thô sơ và người đi bộ, đụng vào phía sau bà Nguyễn Thị Hồng V đang đi bộ cùng chiều phía trước gây tai nạn giao thông đường bộ. Bà V được người dân đưa đi cấp cứu, đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì chết tại bệnh viện đa khoa TN, tỉnh Đồng Nai.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Mặt đường nhựa rộng 11m, chia làm 04 làn đường, 02 làn đường dành cho xe cơ giới ở giữa mỗi làn rộng 3m50, 02 làn đường dành cho xe thô sơ và người đi bộ, mỗi làn đường rộng 02m, xe mô tô biển số 60B3-399.48 nằm trên hành lang an toàn đường bộ phải, ngã nghiêng sang trái. Vết trượt đứt quãng dài 08m nằm trên hành lang an toàn đường bộ phải, đầu vết trượt cách mép đường phải 0m50. Trục bánh trước xe mô tô cách mép đường phải 3m20, trục bánh sau xe mô tô cách mép đường phải 02m. Mép đường phải tính theo chiều Lâm Đồng – Dầu Giây. Vị trí xảy ra tai nạn giao thông đường bộ nằm trên làn đường dành cho xe thô sơ và người đi bộ. Như vậy, nguyên nhân của vụ tai nạn giao thông đường bộ là do Bùi Thị Ngọc B đã ngủ gật trong khi điều khiển xe mô tô biển số 60B3-399.48 nên đã đi vào làn đường dành cho xe thô sơ và người đi bộ, đụng vào phía sau bà Nguyễn Thị Hồng V đang đi bộ cùng chiều phía trước gây tai nạn giao thông.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 788/KTHS ngày 30/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Nguyên nhân tử vong của bà Nguyễn Thị Hồng V do chấn thương sọ não nặng, rạn khớp – nứt xương hộp sọ.

Theo Cáo trạng số 120/CT-VKS-TP ngày 28/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố bị cáo Phạm Thị Ánh T về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ” quy định tại khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 264, Điều 36, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Ánh T mức án tù 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm cải tạo không giam giữ về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc bị cáo cùng ông Phạm Thành N (cha bị cáo) đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 90.000.000đ và bà Lê Thị H đồng ý liên đới cùng ông Bùi Huy C1 bồi thường thiệt hại số tiền 90.000.000đ cho cháu Nguyễn Hồng P.

- Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án xe mô tô biển số 60B3-399.48 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 012680 (mang tên chủ xe Đặng Thanh M) cho ông Phạm Thành N là người chiếm hữu, quản lý sử dụng hợp pháp.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Phạm Thành N đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 90.000.000đ, bà Lê Thị H đồng ý liên đới cùng ông Bùi Huy C1 bồi thường thiệt hại số tiền 90.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi về việc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ, đồng ý với tội danh và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị là tương xứng với hành vi của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý cùng ông N liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 90.000.000đ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ như Bản Kết luận Giám định pháp y, Biên bản khám nghiệm

tử thi, các Biên bản khám nghiệm hiện trường và phương tiện, Sơ đồ hiện trường... Như vậy, đã có đủ cơ sở đề Hội đồng xét xử xác định:

Vào ngày 26/6/2019 tại xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai, Phạm Thị Ánh T biết Bùi Thị Ngọc B – sinh ngày 20/12/2003 (tính đến thời điểm gây tai nạn giao thông đường bộ thì B mới 15 tuổi 06 tháng 06 ngày), là người chưa đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ nhưng T vẫn giao xe mô tô biển số 60B3-399.48 cho B điều khiển. Hậu quả, Bùi Thị Ngọc B gây tai nạn giao thông đường bộ làm bà Nguyễn Thị Hồng V bị thương tích nặng dẫn đến tử vong.

Hành vi của Phạm Thị Ánh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ” quy định tại khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra còn xem xét: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; người đại diện hợp pháp cho bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về căn cứ quyết định hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn giao thông, không những gây ra thiệt hại về tài sản, tính mạng của người khác mà còn gây hoang mang lo sợ cho những người tham gia giao thông, ảnh hưởng đến tình hình trật tự an, an toàn xã hội tại địa phương.

Bị cáo là người đã thành niên nhận thức đầy đủ được hành vi của mình. Bị cáo biết Bùi Thị Ngọc B (là người chưa đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ) là nguy hiểm cho xã hội, có thể gây mất trật tự an toàn giao thông, gây tai nạn xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác nhưng bị cáo vẫn giao xe mô tô cho B điều khiển dẫn đến gây ra tai nạn làm bị hại bị thương tích nặng dẫn đến tử vong, với lỗi vô ý.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo pháp luật của Nhà nước.

[6] Về khấu trừ thu nhập đối với bị cáo: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, đồng thời xem xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, đại diện hợp pháp của gia đình bị hại là bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu bị cáo Phạm Thị Ánh T, ông Phạm Thành N và bà Lê Thị H, ông Bùi Huy C1 (cha mẹ Bùi Thị Ngọc B) bồi thường số tiền 256.179.188 đồng (Bao gồm tiền viện phí, chi phí mai táng, tiền bù đắp tổn thất tinh thần và cấp dưỡng nuôi con một lần cho cháu Nguyễn Hồng P). Bị cáo, ông N và cháu B, bà H, ông C1 chưa bồi thường thiệt hại.

Đối với Bùi Thị Ngọc B là người điều khiển xe trực tiếp gây ra tai nạn nhưng tính đến thời điểm gây tai nạn giao thông đường bộ thì B mới 15 tuổi 06 tháng 06 ngày và hiện nay không có tài sản riêng, nên cha mẹ của B là bà Lê Thị H và ông Bùi Huy C1 có trách nhiệm bồi thường.

Đối với ông N là người chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe 60B3-399.48 (mua lại xe của anh Phan Thành Đ, anh Đ mua từ chủ xe anh Đặng Thanh M) đã để chìa khóa cắm trên xe và cho đồng ý mọi người trong nhà có quyền sử dụng là có lỗi trong việc bảo quản, trông giữ nguồn nguy hiểm cao độ dẫn đến T đã giao xe cho B điều khiển gây tai nạn giao thông (T và B đều không có giấy phép lái xe theo quy định, là người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ). Căn cứ điểm b, đ Điều 2 Mục III Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 thì ông N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, bị cáo cùng ông N đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 90.000.000đ và bà H đồng ý liên đới cùng ông C1 bồi thường thiệt hại số tiền 90.000.000đ cho cháu Nguyễn Hồng P; trong đó đã bao gồm các khoản chi phí hợp lý cho việc mai táng, khoản tiền cấp dưỡng một lần cho cháu P, khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do tính mạng bị xâm phạm. Bà Nguyễn Thị Kim C đại diện hợp pháp cho cháu P đồng ý giảm số tiền bồi thường theo mức tự nguyện bồi thường cho cháu P như trên, không có ý kiến, yêu cầu nào khác. Xét việc thỏa thuận giảm mức bồi thường như trên là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về xử lý vật chứng: Xe gắn máy biển số 60B3-399.48 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 012680 (mang tên chủ xe Đặng Thanh M) là tài sản do ông Phạm Thành N chiếm hữu, quản lý sử dụng hợp pháp nên Hội đồng xét xử xem xét tuyên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[9] Các vấn đề khác:

Đối với Bùi Thị Ngọc B là người điều khiển xe trực tiếp gây ra tai nạn nhưng tính đến thời điểm gây tai nạn giao thông đường bộ thì B mới 15 tuổi 06 tháng 06 ngày (B sinh ngày 20/12/2003) nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự, vì vậy không đủ cơ sở xử lý.

Đối với xe mô tô biển số 60B3-399.48 mang tên chủ xe là anh Đặng Thanh M, quá trình điều tra đã làm rõ anh M bán xe cho anh Phan Thành Đ, sau đó anh Đ đã bán xe cho ông Phạm Thành N. Anh M, anh Đ khai đã bán xe và không còn là chủ sở hữu, người chiếm hữu, quản lý sử dụng hợp pháp, ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, ông N, bà H và ông C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường.

[11] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 264; khoản 1 Điều 46; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự;
- Khoản 3 Điều 106, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, 591 và Điều 601 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Ánh T phạm tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ánh T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã PL nhận được bản sao Bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Thị Ánh T cho Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã PL trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

2. Về biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Phạm Thị Ánh T và ông Phạm Thành N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho cháu Nguyễn Hồng P số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Chia phần cụ thể mỗi người là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Bà Lê Thị H và ông Bùi Huy C1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho cháu Nguyễn Hồng P số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án đối với xe mô tô biển số 60B3-399.48 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 012680 (Tên chủ xe là Đặng Thanh M) là tài sản do ông Phạm Thành N chiếm hữu, quản lý sử dụng hợp pháp (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/10/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú).

3. Về án phí:

Bị cáo Phạm Thị Ánh T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T và ông N mỗi người phải nộp 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Lê Thị H và ông Bùi Huy C1 có trách nhiệm liên đới phải nộp 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, cháu Nguyễn Hồng P, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Lê Thị H, ông Phạm Thành N, cháu Bùi Thị Ngọc B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Duy T2, bà Nguyễn Thị Mai L, ông Bùi Huy C1, anh Phan Thành Đ và anh Đặng Thanh M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại, người diện hợp pháp và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng